

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT -BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT -BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính : VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		6,412,052,850,650	4,467,395,844,501
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.01	1,952,651,885,005	1,838,619,478,462
1. Tiền	111		1,577,651,885,005	1,437,619,478,462
<i>Trong đó :</i>				
<i>- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>				
			1,024,748,146,134	1,220,193,211,104
2. Các khoản tương đương tiền	112		375,000,000,000	401,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,189,454,760,896	1,560,974,883,699
1. Đầu tư ngắn hạn	121	VI.02	2,263,108,546,961	1,693,567,623,260
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	VI.02	(73,653,786,065)	(132,592,739,561)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2,251,215,021,177	1,063,757,995,727
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.09	2,107,978,862,280	914,256,741,795
2. Trả trước cho người bán	132	VI.11	3,644,740,653	8,066,208,100
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	VI.09	2,284,928,503	1,446,438,742
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.09	140,272,267,822	140,899,107,090
6. Dự phòng phải thu khó đòi	139	VI.12	(2,965,778,081)	(910,500,000)
IV. Hàng tồn kho	140			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18,731,183,572	4,043,486,613
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5,404,456,902	2,420,803,153
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		44,439,578	54,592,720
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại TP chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		13,282,287,092	1,568,090,740

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		2,502,382,615,087	3,237,677,670,239
I Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		139,466,904,286	135,295,186,898
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.05	19,380,118,523	19,578,812,231
<i>Nguyên giá</i>	222		86,467,395,084	79,165,295,599
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(67,087,276,561)	(59,586,483,368)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.07	120,086,785,763	115,716,374,667
<i>Nguyên giá</i>	228		165,851,719,836	156,735,350,526
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(45,764,934,073)	(41,018,975,859)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản tư	240	VI.06	252,260,031,185	260,803,573,480
<i>Nguyên giá</i>	241		283,612,736,520	283,612,736,520
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(31,352,705,335)	(22,809,163,040)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,994,645,599,205	2,766,722,057,584
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.03	1,043,972,898,151	1,349,760,867,243
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	VI.02	819,968,163,892	1,046,043,291,514
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		819,968,163,892	1,046,043,291,514
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.02	538,617,000,000	538,617,000,000
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259	VI.02	(407,912,462,838)	(167,699,101,173)
V. Tài sản dài hạn khác	260		116,010,080,411	74,856,852,277
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.04	1,084,463,623	481,906,824
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.15	88,452,941,782	50,719,770,447
3. Tiền nộp Quý hỗ trợ thanh toán	263	VI.08	19,982,911,796	17,482,911,796
4. Tài sản dài hạn khác	268		6,489,763,210	6,172,263,210
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		8,914,435,465,737	7,705,073,514,740

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3,140,629,721,212	2,379,901,087,847
I. Nợ ngắn hạn	310		3,112,710,665,552	2,353,917,131,753
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.10	1,506,127,466,877	358,961,041,321
2. Phải trả người bán	312		3,660,523,934	1,440,928,363
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.14	71,967,220,419	150,871,433,750
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.15	48,730,855,015	35,762,708,305
5. Phải trả người lao động	315		3,661,862,273	19,911,720,419
6. Chi phí phải trả	316	VI.13	10,729,314,712	8,429,411,455
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.17	253,580,217,204	539,245,630,861
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	VI.16	1,097,851,004,560	1,137,144,645,197
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	VI.18	9,609,207,880	11,152,796,929
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		1,884,039,160	605,427,160
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	VI.19	104,908,953,518	89,950,440,876
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	440,947,117
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		27,919,055,660	25,983,956,094
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		559,315,985	682,499,184
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	VI.15	27,359,739,675	25,301,456,910
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VI.20	5,690,950,098,941	5,242,182,121,978
I. Vốn chủ sở hữu	410		5,690,950,098,941	5,242,182,121,978
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3,537,949,420,000	3,537,949,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		342,196,810,218	344,944,356,378
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		(4,185,339,535)	(5,358,122,972)
4. Cổ phiếu quỹ	414		(54,900)	(89,246,317,760)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		372,998,887,930	335,813,119,252
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1,441,990,375,228	1,118,079,667,080
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		82,855,645,584	82,990,304,915
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400+430)	440		8,914,435,465,737	7,705,073,514,740

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		16,971,498,980,000	12,849,119,240,000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		13,385,339,520,000	11,254,258,750,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		89,693,530,000	816,277,140,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		11,856,981,100,000	8,975,656,080,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1,438,664,890,000	1,462,325,530,000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		305,421,250,000	174,383,220,000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		295,550,450,000	173,838,220,000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		9,870,800,000	545,000,000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017		2,519,004,810,000	865,812,190,000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		92,335,010,000	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		2,426,669,800,000	865,812,190,000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		-	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		-	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		-	-
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		741,167,730,000	545,665,500,000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		301,000,000	1,340,000,000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		735,731,330,000	530,836,300,000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		5,135,400,000	13,489,200,000
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	031		-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033		-	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		-	-
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		-	-
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	036		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037		20,565,670,000	8,999,580,000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	1,570,000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		20,309,180,000	8,718,520,000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		256,490,000	279,490,000
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6.8 Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.8.1 Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		-	-
6.8.2 Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		-	-
6.8.3 Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		-	-
6.8.4 Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay giao dịch của tổ chức khác	046		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047			
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		1,025,917,840,000	860,405,510,000
<i>Trong đó:</i>				
7.1 Chứng khoán giao dịch	051		824,916,770,000	761,941,870,000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		14,439,920,000	9,481,650,000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		652,581,860,000	683,658,700,000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		157,894,990,000	68,801,520,000
7.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		-	-
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		148,800,330,000	64,922,200,000
7.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		1,000,000,000	1,000,000,000
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		60,377,350,000	63,922,200,000
7.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059		87,422,980,000	-
7.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		-	-
7.3 Chứng khoán cầm cố	061		45,999,520,000	32,580,440,000
7.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		-	-
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		45,999,520,000	32,580,440,000
7.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064		-	-
7.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065		-	-
7.4 Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067		-	-
7.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068		-	-
7.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069		-	-
7.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070		-	-
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	071		6,201,220,000	961,000,000
7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072		-	-
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		6,201,220,000	961,000,000
7.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074		-	-
7.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	075		-	-
7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
7.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077		-	-
7.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078		-	-
7.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079		-	-
7.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	080		-	-
7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		-	-
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		-	-


Người Lập Biểu


Nguyễn Thị Hải Anh

Kế toán Trưởng


Hoàng Thị Minh Thuý




Nguyễn Hồng Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2014

Đơn vị tính: VND

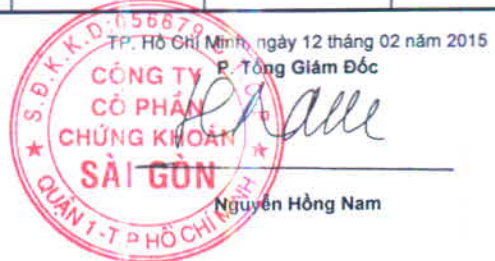
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 4		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3		4	5	6	7
1	Doanh thu	01		278,066,796,322	204,436,981,926	1,564,610,137,885	726,943,829,636
	<i>Trong đó:</i>						
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		89,901,958,086	40,863,323,292	328,600,376,565	138,279,714,570
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	VI.21	40,446,359,256	75,273,000,171	721,120,170,953	196,308,973,064
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		2,844,259,220	-	2,844,259,220	-
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		441,633,358	177,027,273	543,481,183	181,607,894
	Doanh thu quản lý danh mục đầu tư của công ty Quản lý quỹ			1,573,173,697	1,147,420,204	5,009,586,050	2,775,150,246
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		6,815,271,482	15,180,145,704	20,966,718,460	28,691,792,508
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		1,798,929,988	1,297,061,533	5,623,352,899	5,345,687,143
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	01.7		-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		1,875,626,842	2,379,722,808	7,771,606,391	9,479,145,425
	Doanh thu khác	01.9	VI.22	132,369,584,393	68,119,280,941	472,130,586,164	345,881,758,786
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		100,000,000	-	100,000,000	-
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		277,966,796,322	204,436,981,926	1,564,510,137,885	726,943,829,636
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.23	248,427,451,846	124,966,219,271	689,827,540,779	386,476,250,295
	<i>Trong đó:</i>						
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.1		147,926,596,636	125,546,252,677	508,714,462,610	464,593,566,434
	Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng chứng khoán	11.2		100,500,855,210	(580,033,406)	181,113,078,169	(78,117,316,139)
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		29,539,344,476	79,470,762,655	874,682,597,106	340,467,579,341
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	5,563,598,000	3,763,887,133	14,759,715,127	12,022,643,097
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		23,975,746,476	75,706,875,522	859,922,881,979	328,444,936,244
8	Thu nhập khác	31	VI.25	50,489,473,864	11,243,228,138	53,655,881,077	63,070,461,122
9	Chi phí khác	32	VI.25	4,413	4	5,367,783	72,287,364
10	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		50,489,469,451	11,243,228,134	53,650,513,294	62,998,173,758
11	Lợi nhuận từ các công ty liên kết	41	VI.03	40,420,395,458	2,107,179,925	14,267,004,784	114,391,074,176
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	50		114,885,611,385	89,057,283,581	927,840,400,057	505,834,184,178
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		22,165,148,493	26,436,932,455	218,587,928,515	88,381,199,859
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(7,494,064,869)	(4,492,490,321)	(35,443,063,119)	117,048,764
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN (70=60-61-62)	60		100,214,527,761	67,112,841,447	744,695,534,661	417,335,935,555
15.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(584,059,042)	(471,648,549)	(134,659,179)	(708,864,514)
15.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		100,798,586,803	67,584,489,996	744,830,193,840	418,044,800,069
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người Lập Biểu


 Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng


 Hoàng Thị Minh Thủy



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban hành theo T. Tư số 95/2008 /TT -BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Đây	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	927,840,400,057	505,834,184,178
2. Điều chỉnh cho các khoản:		(338,101,375,353)	(337,070,786,158)
- Khấu hao tài sản cố định	02	20,992,777,544	24,148,560,895
- Các khoản lập dự phòng	03	183,168,356,250	(134,574,362,714)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05	(558,800,771,847)	(230,291,915,143)
- Chi phí lãi vay	06	16,538,262,700	3,646,930,804
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	589,739,024,704	168,763,398,019
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1,134,804,964,054)	(305,057,521,380)
- Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10	(585,893,007,012)	570,764,811,773
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(387,926,523,345)	(359,874,053,017)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(3,586,210,545)	12,574,451,705
- Tiền lãi vay đã trả	13	(15,994,015,892)	(4,051,745,344)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(222,959,024,340)	(70,972,390,889)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	27,000,000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(26,114,204,300)	(13,998,097,900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1,787,511,924,784)	(1,851,147,034)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9,678,007,454)	(11,464,174,263)
2. Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1,000,000	1,827,272,727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(29,816,382,157)	(136,091,832,573)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	452,593,930,282	171,056,682,055
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1,696,742,586,001)	(482,456,941,346)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2,144,521,987,240	523,402,012,827
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	160,205,452,519	159,840,811,599
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1,021,085,394,429	226,113,831,026

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	86,498,771,600	15,854,880,000
2. Nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số	31a	-	-
3. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(54,900)	(131,760)
4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33	20,735,961,702,782	3,455,160,948,549
5. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19,588,795,277,226)	(3,453,927,928,305)
6. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(353,206,205,358)	(349,821,425,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	880,458,936,898	(332,733,656,516)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	114,032,406,543	(108,470,972,524)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,838,619,478,462	1,947,090,450,986
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1,952,651,885,005	1,838,619,478,462

Người Lập Biểu

Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2015
P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU - năm 2014	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3,537,949,420,000	-	-	3,537,949,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		344,944,356,378	-	2,747,546,160	342,196,810,218
3. Vốn khác của chủ sở hữu		(5,358,122,972)	1,172,783,437	-	(4,185,339,535)
4. Cổ phiếu quỹ		(89,246,317,760)	(54,900)	(89,246,317,760)	(54,900)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		335,813,119,252	37,185,768,678	-	372,998,887,930
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1,118,079,667,080	745,062,019,228	421,151,311,080	1,441,990,375,228
Cộng		5,242,182,121,978	783,420,516,443	334,652,539,480	5,690,950,098,941

CHỈ TIÊU - năm 2013	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3,526,117,420,000	11,832,000,000	-	3,537,949,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		340,921,476,378	4,022,880,000	-	344,944,356,378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		(2,605,677,770)	-	2,752,445,202	(5,358,122,972)
4. Cổ phiếu quỹ		(89,246,186,000)	(131,760)	-	(89,246,317,760)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		289,383,181,436	46,429,937,816	-	335,813,119,252
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1,127,002,833,821	418,044,800,069	426,967,966,810	1,118,079,667,080
Cộng		5,191,573,047,865	480,329,486,125	429,720,412,012	5,242,182,121,978

Người Lập Biểu



Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy



TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2015
 P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 4 năm 2014 (hợp nhất) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động số 3041/GP-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 03/2000/GPHDKD, do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 04 năm 2000 và các giấy phép kinh doanh điều chỉnh tiếp theo.

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư.
4. **Tổng số nhân viên** : 521
5. **Công ty con:**
Tại ngày 31/12/2014, Công ty có 3 công ty con được hợp nhất:

- **Công ty TNHH quản lý Quỹ SSI** được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007.
+ Ngành hoạt động : Quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư .
+ Vốn điều lệ : 30 tỷ đồng (sở hữu 100%)

- **Quỹ đầu tư thành viên SSI** được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010
+ Mục tiêu và lĩnh vực đầu tư của Quỹ: đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản
+ Vốn điều lệ: 390 tỷ đồng (sở hữu 80%)
+ Thời gian hoạt động của quỹ: 31 năm

- **Công ty Quốc tế SSI (SSI International Corp.)** được thành lập ngày 27/08/2009 theo số đăng ký SRV 090813396 – 4724807 tại Bang Delaware, Mỹ và theo Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 249/BKH-ĐTRNN-ĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31/08/2010
+ Mục tiêu và lĩnh vực đầu tư: đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ
+ Vốn đầu tư: tối đa 18,5 triệu USD. Tỷ lệ sở hữu của Công ty là 80% vốn, và là sở hữu gián tiếp thông qua Quỹ đầu tư thành viên SSI.
+ Thời gian hoạt động: 30 năm

6. **Công ty liên kết:**
Tại ngày 31/12/2014 Công ty có 9 công ty liên kết gián tiếp được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty CP Xuyên Thái Bình (PAN):

Tại thời điểm ngày 31/12/2014 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Xuyên Thái Bình là 208.472.602.086 đồng, chiếm 20,11% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của PAN và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2011. Công ty CP Xuyên Thái Bình là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của PAN là 616.437.480.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Mua bán nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch. Cho thuê xe ô tô; Hoạt động xử lý chất thải rắn, lỏng, khí thải công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dịch vụ sửa chữa nhà; dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng; Dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ công viên, vườn thú; Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ; Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp; Mua bán quần áo; Đại lý ký gởi hàng hóa; Dịch vụ tin học: tư vấn lắp đặt phần cứng, phần mềm máy tính; Dịch vụ thương mại; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính; Đại lý phát hành sách báo có nội dung được phép lưu hành.

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (GIL):

Tại thời điểm ngày 31/12/2014 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh là 83.633.221.519 đồng, chiếm 25,71% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của GIL, và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2012. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của GIL là 139.245.880.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư... Dịch vụ thương mại và cầm đồ, Xây dựng, trang trí nội thất, san lấp mặt bằng, kinh doanh địa ốc, Hợp tác đầu tư lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, du lịch.

Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Miền Nam (SSC):

Tại thời điểm ngày 31/12/2014 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Giồng cây trồng Miền Nam là 94.207.086.291 đồng, chiếm 20,13% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của SSC, và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2012. Công ty CP Giồng cây trồng Miền Nam là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của SSC là 149.923.670.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, XNK giống cây trồng các loại, Sản xuất, kinh doanh, XNK nông sản, vật tư nông nghiệp, Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, XNK các loại máy móc thiết bị chế biến hạt giống và nông sản, Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.

CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An (LAF):

Tại thời điểm ngày 31/12/2014 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An là 44.497.837.785 đồng, chiếm 20,02% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của LAF và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 30/6/2012. Công ty CP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của LAF là 147.280.190.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, xuất khẩu hạt điều và các sản phẩm chế biến từ hạt điều.

CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông (ELC):

Tại thời điểm ngày 31/12/2014 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông là 205.407.921.538 đồng, chiếm 20,01% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của ELC và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2012. Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của ELC là 379.399.090.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, lắp ráp các sản phẩm điện tử - tin học; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Các dịch vụ khoa học kỹ thuật; Lắp ráp, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, tổng đài điện thoại thuê bao dung lượng nhỏ, thiết bị phụ trợ, nguồn điện, lắp đặt các thiết bị truyền dẫn cho các tuyến Viba và mạng cáp thông tin; Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao; Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử - viễn thông; Cung cấp và khai thác cơ sở dữ liệu, dịch vụ lưu trữ và xử lý dữ liệu; Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị điện, điện tử, viễn thông, thiết bị khoa học; Dịch vụ quảng cáo; Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông; Đại lý kinh doanh dịch vụ internet; Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí; Đầu tư phát triển chăn nuôi, trồng trọt và khu du lịch sinh thái; Mua bán, sản xuất các thiết bị báo cháy, thiết bị báo trộm...

CTCP Transimex-Saigon (TMS):

Tại thời điểm ngày 31/12/2014 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Transimex-Saigon là 96.645.528.976 đồng, chiếm 20,00% số lượng cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phiếu đang lưu hành của TMS và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2012. Công ty CP Transimex-Saigon là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của TMS là 230.738.240.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Đại lý giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu đường biển, đường hàng không và đường bộ. Đại lý hàng hải và môi giới tàu biển, dịch vụ thủ tục hải quan. Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan, kho thu gom đóng gói hàng lẻ CFS, điểm thông quan nội địa ICD. Kinh doanh vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường bộ.

CTCP Bibica (BBC):

Tại thời điểm ngày 31/12/2014 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Bibica là 51.491.804.569 đồng, chiếm 20,00% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của BBC và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2013. Công ty CP Bibica là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của BBC là 154.207.820.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bánh kẹo, xuất khẩu các sản phẩm bánh kẹo và các hàng hoá khác.

CTCP Khử Trùng Việt Nam (VFG):

Tại thời điểm ngày 31/12/2014 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Khử Trùng Việt Nam là 97.368.821.924 đồng, chiếm 20,06% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của VFG và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2013. Công ty CP Khử Trùng Việt Nam là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của VFG là 132.827.530.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, mua bán các loại thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác. Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Cho thuê văn phòng, kho bãi. Dịch vụ chống mối mọt. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư.

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN):

Tại thời điểm ngày 31/12/2014 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai là 53.751.602.758 đồng, chiếm 20,01% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của PDN và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2014. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của PDN là 123.479.870.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho bãi và lưu trữ hàng hóa trong kho lạnh (trừ kho ngoại quan). Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu. Bốc xếp hàng hóa và cảng biển. Bốc xếp hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng, vận tải hàng hóa bằng ô tô khác. Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan. Bán buôn xăng dầu và sản phẩm có liên quan. Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Bán buôn thóc ngô và các loại ngũ cốc khác, bán buôn nông lâm sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa). Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt): Vận tải hành khách bằng taxi. Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Giải thích kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của quý 4/2014 so với cùng kỳ năm trước:

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ quý 4/2014 là 100.798.586.803 đồng, tăng 49.14% so với quý 4/2013 (quý 4/2013 là 67.584.489.996 đồng) với lý do chủ yếu:

- Trong quý 4/2014, thị trường chứng khoán tăng trưởng tốt và thanh khoản cao nên hoạt động môi giới của Công ty đạt kết quả khả quan với mức tăng 49.038.634.794 đồng (120,01%) so với cùng kỳ năm 2013

- Trong quý 4/2014 các công ty liên kết đạt kết quả kinh doanh khả quan và tăng thêm 1 công ty liên kết là Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai nên lợi nhuận thu được từ các công ty liên kết cũng tăng đáng kể so với Quý 4/2013 với mức tăng 38.313.215.533 đồng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày thành lập, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

6. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau (theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính):

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	2 năm
Bất động sản đầu tư	27,5 năm

7. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

8. Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức bằng tiền và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Đầu tư vào các công ty, trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể (Công ty liên kết)

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu trở lên ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian ba (03) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

10. Các hợp đồng mua và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

13. Cổ phiếu ngân quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

17. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH****1. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý danh mục	Ngân hàng đầu tư và khác	Tổng cộng
Quý 4 Năm 2014						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	164.425.669.875	129.866.754.713	59.644.802.592	1.573.173.697	11.876.790.905	367.387.191.782
2. Các chi phí trực tiếp	24.534.593.955	123.619.346.485	19.422.968.925	172.570.843	1.254.855.538	169.004.335.746
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	57.715.177.494	6.279.733.434	3.701.725.051	8.705.645.047	7.094.963.625	83.497.244.651
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	82.175.898.426	(32.325.206)	36.520.108.616	(7.305.042.193)	3.526.971.741	114.885.611.385
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>						
1. Tài sản bộ phận	3.148.788.646.399	2.645.740.340.381	2.305.829.185.739	895.500.104	2.637.449.911	8.103.891.122.534
2. Tài sản phân bổ	131.474.594.410	8.166.123.876	2.041.530.969	14.290.716.784	9.799.348.652	165.772.314.691
3. Tài sản không phân bổ						644.772.028.512
Tổng tài sản	3.280.263.240.809	2.653.906.464.257	2.307.870.716.708	15.186.216.888	12.436.798.563	8.914.435.465.737
1. Nợ phải trả bộ phận	1.111.952.377.118	67.293.041.758	1.758.521.168.502	-	10.058.259.712	2.947.824.847.090
2. Nợ phân bổ	87.140.503.489	5.412.453.633	1.353.113.408	9.471.793.858	6.494.944.359	109.872.808.747
3. Nợ không phân bổ						82.932.065.375
Tổng công nợ	1.199.092.880.607	72.705.495.391	1.759.874.281.910	9.471.793.858	16.553.204.071	3.140.629.721.212

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý:

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Công ty có một (01) công ty con hoạt động tại Mỹ là Công ty Quốc tế SSI ("SSI IC") hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Tuy nhiên doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh cũng như tổng tài sản của SSI IC chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu, chi phí và tổng tài sản của toàn Công ty (khoảng 2 đến 4%). Do đó, công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. Tiền và tương đương tiền (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	219.364.656	177.407.310
Tiền gửi ngân hàng	1.577.432.520.349	1.437.442.071.152
<i>Trong đó :</i>		
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.024.748.146.134	1.220.193.211.104
Các khoản tương đương tiền	375.000.000.000	401.000.000.000
Cộng	1.952.651.885.005	1.838.619.478.462

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Tình hình đầu tư tài chính (đơn vị tính: VNĐ)**

Chi tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo số kê toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
Tại ngày 31/12/2014					
I. Chứng khoán thương mại	18.711.464	339.108.546.961	-	(73.653.786.065)	265.454.760.896
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	7.066.363	167.966.593.028		(1.314.628.366)	166.651.964.662
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	11.645.100	171.141.853.932		(72.339.157.699)	98.802.696.233
<i>Trái phiếu</i>	1	100.000		-	100.000
II. Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.924.000.000.000	-	-	1.924.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.924.000.000.000	-	-	1.924.000.000.000
III. Chứng khoán đầu tư	18.422.764	819.968.163.892	-	(110.169.462.838)	709.798.701.054
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	18.422.764	819.968.163.892	-	(110.169.462.838)	709.798.701.054
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	11.424.556	493.872.588.058		(68.077.726.036)	425.794.862.022
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	4.747.557	108.968.507.171		(42.091.736.802)	66.876.770.369
<i>Trái phiếu</i>	2.250.651	217.127.068.663		-	217.127.068.663
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
IV. Đầu tư tài chính khác	11.766.999	538.617.000.000		(297.743.000.000)	240.874.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	11.766.999	538.617.000.000	-	297.743.000.000	240.874.000.000
Tại ngày 31/12/2013					
I. Chứng khoán thương mại	32.529.777	644.567.623.260	-	(132.592.739.561)	511.974.883.699
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	12.725.664	379.014.488.551		(68.633.045.426)	310.381.443.125
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	19.804.113	265.553.134.709		(63.959.694.135)	201.593.440.574
<i>Trái phiếu</i>	-	-		-	-
II. Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.049.000.000.000	-	-	1.049.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.049.000.000.000	-	-	1.049.000.000.000
III. Chứng khoán đầu tư	21.527.767	1.046.043.291.514	-	(29.094.601.173)	1.016.948.690.341
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	21.527.767	1.046.043.291.514	-	(29.094.601.173)	1.016.948.690.341
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	11.497.527	334.490.654.119		(1.267.440.783)	333.223.213.336
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	3.850.215	78.263.507.167		(27.827.160.390)	50.436.346.777
<i>Trái phiếu</i>	6.180.025	633.289.130.228		-	633.289.130.228
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
V. Đầu tư tài chính khác	11.766.999	538.617.000.000	-	(138.604.500.000)	400.012.500.000
- Đầu tư dài hạn khác	11.766.999	538.617.000.000	-	(138.604.500.000)	400.012.500.000

- Trong số các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, có 1.856 tỷ đồng tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn cuối kỳ:**

Chi tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
Tại ngày 31/12/2014				
Cổ phiếu niêm yết				
SVC	6.752	127.098.826	(19.066.827)	108.031.999
PVS	8.140	332.587.537	(113.621.538)	218.965.999
E1SSHN30	1.969.900	19.699.000.000	(1.181.940.001)	18.517.059.999
Cộng niêm yết	1.984.792	20.158.686.363	(1.314.628.366)	18.844.057.997
Cổ phiếu chưa niêm yết				
CTCP Phân Lân Vãn Điện	2.608.912	65.182.927.878	(52.138.367.878)	13.044.560.000
Công ty CP đầu tư Kim Tự Tháp	260.118	4.284.711.000	(3.504.357.000)	780.354.000
Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	226.120	6.131.898.718	(1.810.811.113)	4.321.087.605
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.452.100.000)	1.197.900.000
CTCP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.866	117.720.575	(4.231.809)	113.488.766
Công ty CP Bá Hiến Viglacera	6.054	253.765.058	(253.765.058)	-
Công ty CP Nhựa Sam Phú	418.273	4.182.730.000	(2.125.524.841)	2.057.205.159
Cộng chưa niêm yết	3.992.493	93.853.753.229	(72.339.157.699)	21.514.595.530
Tổng cộng	5.977.285	114.012.439.592	(73.653.786.065)	40.358.653.527
Tại ngày 31/12/2013				
Cổ phiếu niêm yết				
TMT	2.499.534	65.792.945.173	(53.295.228.241)	12.497.716.932
SVC	1.952.219	40.760.040.803	(11.476.755.804)	29.283.284.999
NSP	418.273	4.182.730.000	(3.513.493.200)	669.236.800
VNM	20.012	2.823.677.708	(122.057.707)	2.701.620.001
BHV	6.054	253.765.058	(222.284.258)	31.480.800
Cổ phiếu khác	105	4.708.516	(3.226.216)	1.482.300
Cộng niêm yết	4.896.197	113.817.867.258	(68.633.045.426)	45.184.821.832
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Tổng công ty Chăn Nuôi Việt Nam (VILICO)	7.650.000	77.265.000.000	(550.800.000)	76.714.200.000
Công ty CP Phân Lân nung chảy Vãn điện VFMVF4	2.608.912	65.182.927.878	(44.311.631.878)	20.871.296.000
VFMVF4	2.470.000	21.648.504.963	(759.714.963)	20.888.790.000
Công ty CP Đầu tư Kim Tự Tháp	260.118	4.284.711.000	(1.943.649.000)	2.341.062.000
Công ty CP Descon	226.120	6.131.898.718	(3.983.758.718)	2.148.140.000
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
Công ty CP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.866	117.720.575	(107.689.575)	10.031.000
Cộng chưa niêm yết	13.688.166	188.330.763.135	(63.959.694.135)	124.371.069.000
Tổng cộng	18.584.363	302.148.630.393	(132.592.739.561)	169.555.890.832

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn cuối kỳ:**

Chi tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
Tại ngày 31/12/2014				
Cổ phiếu niêm yết				
FPT	1.610.000	86.044.564.632	(8.764.564.632)	77.280.000.000
HPG	2.409.230	139.216.946.101	(11.527.756.101)	127.689.190.000
PVS	1.930.000	82.814.691.851	(30.897.691.851)	51.917.000.000
VNM	277.290	27.233.534.356	(752.339.356)	26.481.195.000
CNG	366.350	14.542.195.053	(2.672.455.053)	11.869.740.000
DPR	483.590	20.486.830.724	(2.110.410.724)	18.376.420.000
VSC	1.133.830	68.044.008.317	(11.352.508.319)	56.691.499.998
Cộng niêm yết	8.210.290	438.382.771.035	(68.077.726.036)	370.305.044.999
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- Công ty CP Kinh Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(14.537.920.000)	662.080.000
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(3.709.911.072)	7.614.761.702
- Cty CP Việt Tin	6.299	6.654.826.400	(4.135.226.400)	2.519.600.000
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(4.999.995.000)	6.999.993.000
- Công ty Cổ phần truyền thông VMG	1.414.000	44.488.000.000	(11.966.000.000)	32.522.000.000
- Quỹ Đầu tư lợi thế cạnh tranh bền vững SSI	742.574	7.500.000.000	(210.824.330)	7.289.175.670
- CTCP Đường Quảng Ngãi	386.215	11.801.020.000	(2.531.860.000)	9.269.160.000
Cộng chưa niêm yết	4.747.557	108.968.507.174	(42.091.736.802)	66.876.770.372
Tổng cộng	12.957.847	547.351.278.209	(110.169.462.838)	437.181.815.371
Tại ngày 31/12/2013				
Cổ phiếu niêm yết				
PDN	1.134.734	38.486.638.584	(1.267.440.783)	37.219.197.801
Cộng niêm yết	1.134.734	38.486.638.584	(1.267.440.783)	37.219.197.801
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- Công ty CP Kinh Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(14.100.800.000)	1.099.200.000
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
- Cty CP Việt Tin	629.900	6.654.826.400	(1.483.977.300)	5.170.849.100
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.683.996.316)	8.315.991.684
- CTCP Đường Quảng Ngãi	321.846	11.801.020.000	(1.019.179.000)	10.781.841.000
Cộng chưa niêm yết	3.150.215	56.980.507.174	(27.827.160.390)	29.153.346.784
Tổng cộng	4.284.949	95.467.145.758	(29.094.601.173)	66.372.544.585

Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn khác :

Chi tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
Tại ngày 31/12/2014				
Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(297.743.000.000)	225.874.000.000
Cộng	10.267.000	523.617.000.000	(297.743.000.000)	225.874.000.000
Tại ngày 31/12/2013				
Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(138.604.500.000)	385.012.500.000
Cộng	10.267.000	523.617.000.000	(138.604.500.000)	385.012.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Đầu tư vào công ty liên kết (đơn vị tính: VNĐ)**

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Giá gốc của khoản đầu tư (VNĐ)	Số cuối kỳ (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)	% biểu quyết của Công ty vào cuối kỳ	% sở hữu của Công ty vào cuối kỳ
Công ty CP Hùng Vương	-	-	453.519.495.731		
Công ty CP Xuyên Thái Bình	208.472.602.086	238.871.479.158	105.018.117.045	20.11%	20.00%
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	83.633.221.519	96.960.394.866	88.966.776.847	25.71%	25.66%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương	-	-	74.963.163.726		
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	94.207.086.291	78.668.460.888	83.214.486.850	20.13%	20.08%
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	44.497.837.785	29.141.573.807	34.414.250.564	20.02%	20.00%
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	205.407.921.538	158.366.014.557	173.966.308.277	20.01%	20.01%
CTCP Transimex-Saigon	96.645.528.976	150.240.358.241	126.916.483.591	20.00%	20.00%
CTCP Bibica	51.491.804.569	106.154.392.527	97.046.443.515	20.00%	20.00%
CTCP Cảng Đồng Nai	53.751.602.758	62.606.030.071		20.01%	20.00%
CTCP Khử Trùng VN	97.368.821.924	122.964.194.036	111.735.341.098	20.06%	20.04%
Cộng	935.476.427.446	1.043.972.898.151	1.349.760.867.243		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- + Tại ngày 31/12/2014 tỷ lệ biểu quyết GIL của Công ty mẹ là 5,74%, uỷ thác qua công ty con SSIAM là 14,24%, tỉ lệ biểu quyết tại công ty con là Quỹ Đầu tư SSIIMF là 0,17%, tổng tỷ lệ biểu quyết là 20,15% cổ phiếu lưu hành. Trên Báo cáo tài chính hợp nhất của GIL, phần cổ phiếu GIL do Công ty con của GIL mua lại được trình bày là cổ phiếu quỹ nên tỷ lệ biểu quyết của Công ty được tính lại thành 25,71% do trừ phần cổ phiếu Công ty con GIL mua lại theo cách trình bày của Báo cáo tài chính.
- + Tại ngày 31/12/2014 có 9.233.501 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 92.335.010.000 đồng là tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay tại Ngân hàng

Tình hình biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết của công ty trong năm 2014 như sau:

	Số tiền (VNĐ)
Số dư đầu kỳ	1.349.760.867.243
Mua trong kỳ	185.903.651.338
Thanh lý công ty liên kết trong kỳ	(467.638.148.672)
Lãi/(lỗ) từ công ty liên kết ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ	14.267.004.783
Bất lợi thể thương mại	8.854.427.311
Lợi thể thương mại đã phân bổ trong kỳ	(47.623.499.718)
Phân chia sẻ lãi/(lỗ) trong kỳ	53.036.077.189
Cổ tức thực nhận	(38.161.429.400)
Vốn khác	(159.047.141)
Số dư cuối kỳ	1.043.972.898.151

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí trả trước dài hạn (đơn vị tính: VND)**

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tư vấn trả trước	-	172.237.860
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	1.084.463.623	309.668.694
Cộng	1.084.463.623	481.906.824

5. Tài sản cố định hữu hình (đơn vị tính: VND)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	2.609.391.520	60.988.399.034	14.504.261.403	1.063.243.642	79.165.295.599
Tăng trong kỳ	-	7.411.083.327	-	93.500.000	7.504.583.327
Mua trong kỳ	-	7.411.083.327	-	93.500.000	7.504.583.327
Giảm trong năm	-	(202.483.842)	-	-	(202.483.842)
Bán thanh lý	-	(202.483.842)	-	-	(202.483.842)
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.609.391.520	68.196.998.519	14.504.261.403	1.156.743.642	86.467.395.084
Giá trị hao mòn:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	2.202.918.913	49.583.590.914	6.772.868.566	1.027.104.975	59.586.483.368
Tăng trong kỳ	406.472.607	5.776.762.140	1.490.906.955	29.135.333	7.703.277.035
Khấu hao	406.472.607	5.776.762.140	1.490.906.955	29.135.333	7.703.277.035
Giảm trong kỳ	-	(202.483.842)	-	-	(202.483.842)
Bán thanh lý	-	(202.483.842)	-	-	(202.483.842)
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.609.391.520	55.157.869.212	8.263.775.521	1.056.240.308	67.087.276.561
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	406.472.607	11.404.808.120	7.731.392.837	36.138.667	19.578.812.231
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	13.039.129.307	6.240.485.882	100.503.334	19.380.118.523

6. Bất động sản đầu tư: (đơn vị tính: VND)

Đây là giá trị các toà nhà (nhà và đất) mà Công ty Quốc tế SSI đã mua tại Mỹ với mục đích cho thuê

Khoản mục	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên Giá	283.612.736.520	283.612.736.520
Khấu hao	31.352.705.335	22.809.163.040
Giá trị còn lại	252.260.031.185	260.803.573.480

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Tài sản cố định vô hình (đơn vị tính: VND)**

<i>Khoản mục</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	45.407.215.838	109.671.558.000	1.656.576.688	156.735.350.526
Tăng trong kỳ	4.465.012.561	-	4.651.356.749	9.116.369.310
Mua mới	4.465.012.561	-	4.651.356.749	9.116.369.310
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	49.872.228.399	109.671.558.000	6.307.933.437	165.851.719.836
Hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	39.382.259.071	-	1.636.716.788	41.018.975.859
Tăng trong kỳ	4.312.957.143	-	433.001.071	4.745.958.214
Khấu hao	4.312.957.143	-	433.001.071	4.745.958.214
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	43.695.216.214	-	2.069.717.859	45.764.934.073
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	6.024.956.767	109.671.558.000	19.859.900	115.716.374.667
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	6.177.012.185	109.671.558.000	4.238.215.578	120.086.785.763

8. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (đơn vị tính: VND)

Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	13.960.535.062
Tiền lãi phân bổ hàng năm	6.022.376.734
Cộng	19.982.911.796

9. Các khoản phải thu (đơn vị tính: VND)

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải thu khách hàng	2.107.978.862.280	914.256.741.795
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ	2.003.553.536.747	647.585.181.717
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	97.679.567.228	260.694.246.604
- Phải thu phí tư vấn	2.904.869.361	1.701.845.703
- Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ	805.269.952	611.388.379
- Phải thu khác	3.035.618.992	3.664.079.392
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.284.928.503	1.446.438.742
- Phải thu sở giao dịch	2.183.088.400	1.261.428.480
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	101.840.103	185.010.262
3. Phải thu khác	140.272.267.822	140.899.107.090
- Phải thu tổ chức phát hành (trái tức, cổ tức)	21.148.672.807	48.191.823.117
- Lãi tiền gửi ngân hàng	6.829.185.739	4.519.633.260
- Phải thu hợp đồng môi giới trái phiếu, tiền cọc	-	85.300.000.000
- Tiền mua cổ phiếu đầu giá chưa có giấy xác nhận cổ phần	109.073.594.000	
- Phải thu khác	3.220.815.276	2.887.650.713

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Vay và nợ ngắn hạn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay thấu chi tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam	387.823.413.353	358.961.041.321
Vay thấu chi tại Ngân hàng Bảo Việt	161.837.457.364	-
Vay thấu chi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	154.033.358	-
Vay thấu chi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	526.357.360.661	-
Vay thấu chi tại Ngân hàng Quốc tế	199.955.202.141	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	230.000.000.000	-
Tổng cộng	1.506.127.466.877	358.961.041.321

Tỷ lệ lãi suất áp dụng cho các khoản vay tại các ngân hàng dao động từ 1.5% đến 8.05%.

Chi tiết:

Số đầu năm	358.961.041.321
Phát sinh tăng	20.735.961.702.782
Phát sinh giảm	19.588.795.277.226
Số cuối kỳ	1.506.127.466.877

11. Ứng trước cho người bán (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ứng trước cho người bán	3.644.740.653	8.066.208.100

12. Dự phòng phải thu khó đòi (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng phải thu	(2.965.778.081)	(910.500.000)
cộng	(2.965.778.081)	(910.500.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Các khoản chi phí phải trả (đơn vị tính: VND)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả SGDCK & TTLKCK& NHLK	5.221.704.935	3.232.406.755
Chi phí lãi hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán phải trả, HĐ đặt cọc môi giới chứng khoán	1.890.738.020	1.478.343.260
Chi phí đào tạo, hội thảo, tư vấn	-	600.000.000
Phí dịch vụ khác	674.000.000	637.196.818
Phải trả khác	2.942.871.757	2.481.464.622
Tổng Cộng	10.729.314.712	8.429.411.455

14. Người mua ứng trước (đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khoản ứng trước phí tư vấn của khách hàng	6.957.820.419	4.862.033.750
Khoản ứng trước tiền mua chứng khoán	65.009.400.000	146.009.400.000
Cộng	71.967.220.419	150.871.433.750

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (đơn vị tính: VND)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	766.442.893	222.307.832
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	23.038.276.709	26.987.387.074
Thuế Thu nhập cá nhân	4.801.761.908	2.567.776.741
Thuế Thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	15.215.147.616	4.384.951.982
Các loại thuế khác	4.909.225.889	1.600.284.676
Cộng	48.730.855.015	35.762.708.305

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Bảng ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2014 (đơn vị tính: VND):**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	927.840.400.056
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>	
- Các khoản thu nhập cổ tức không chịu thuế	(83.115.566.025)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.12.2013	(230.391.354.525)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.12.2014	402.058.826.278
- Chi phí không khấu trừ thuế TNDN	888.017.917
- Hủy lỗ do thanh lý cổ phiếu công ty liên kết	(49.626.798)
- Lãi lỗ chưa thực hiện cty con - SSIAM- SSIIMF- SSIIC	(54.047.547.505)
- Lãi lỗ chưa thực hiện từ công ty liên kết	(14.267.004.784)
- Khoản hoàn nhập dự phòng từ công ty liên kết cho mục đích hợp nhất	(9.568.081.282)
Tổng lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 22%	939.348.063.333
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp</i>	<i>206.656.573.933</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp - tại công ty con</i>	<i>11.931.354.581</i>
Cộng thuế TNDN năm 2014	218.587.928.515

Tài Sản thuế thu nhập hoãn lại

Số dư đầu năm	50.719.770.447
Thuế TNDN hoãn lại trong kỳ	37.733.171.335
Số dư cuối kỳ	88.452.941.782

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số dư đầu năm	25.301.456.910
Thuế TNDN hoãn lại từ công ty con	(20.495.526)
Thuế hoãn lại từ dự phòng công ty liên kết	2.078.778.291
Số dư cuối kỳ	27.359.739.675

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ):**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	152.264.610.800	94.665.215.100
Phải trả Sở GDCK HCM	1.442.394.883	7.575.285.755
Tiền gửi GDCK của NĐT	944.143.998.877	1.034.904.144.342
Tổng Cộng	1.097.851.004.560	1.137.144.645.197

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	33.849.945	(668.055)
Phải trả hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán	164.000.000.000	414.006.180.000
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	24.943.229	50.767.329.469
Phải trả nhà đầu tư – khoản nhận ký quỹ ngắn hạn để thực hiện việc môi giới chứng khoán cho khách hàng	85.126.479.812	72.074.263.864
Các khoản khác	4.394.944.218	2.398.525.583
Tổng Cộng	253.580.217.204	539.245.630.861

18. Phải trả cổ tức và lãi trái phiếu (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cổ tức cho cổ đông của SSI	4.727.253.750	4.138.517.108
Phải trả lãi trái phiếu cho trái chủ của SSI	718.097.161	731.930.192
Phải trả hộ cổ tức, lãi trái phiếu cho tổ chức phát hành	4.163.856.969	6.282.349.629
Cộng	9.609.207.880	11.152.796.929

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi (đơn vị tính: VNĐ)

Số đầu năm	89.950.440.876
Trích lập trong kỳ	29.748.614.942
Sử dụng trong kỳ	(14.790.102.300)
Số cuối kỳ	104.908.953.518

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu (đơn vị tính: VNĐ)****20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	3.537.949.420.000	(5.358.122.972)	344.944.356.378	(89.246.317.760)	335.813.119.252	1.118.079.667.080	5.242.182.121.978
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ(5% LN sau thuế)					18.592.884.339	(18.592.884.339)	-
Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ (5% LN sau thuế)					18.592.884.339	(18.592.884.339)	-
Trích lập quỹ khen thưởng theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ(3% LN sau thuế)						(11.155.730.603)	(11.155.730.603)
Trích lập quỹ phúc lợi theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ						(13.592.884.339)	(13.592.884.339)
Trích lập quỹ từ thiện theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ(1% LN sau thuế)						(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Cổ tức phải trả cổ đông năm 2013 theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ(10% mệnh giá)						(353.794.942.000)	(353.794.942.000)
Điều chỉnh lại thuế TNDN hiện hành theo quyết toán thuế năm 2013						(421.985.460)	(421.985.460)
Điều chỉnh lại thuế TNDN hoãn lại theo quyết toán thuế năm 2013						231.825.389	231.825.389
Khoản chênh lệch phát sinh do công ty liên kết mua bán cổ phiếu quỹ		1.172.783.437					1.172.783.437
Lợi nhuận sau thuế lũy kế năm 2014						744.830.193.839	744.830.193.839
Mua cổ phiếu quỹ				(54.900)			(54.900)
Bán cổ phiếu quỹ			(2.747.546.160)	89.246.317.760			86.498.771.600
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.537.949.420.000	(4.185.339.535)	342.196.810.218	(54.900)	372.998.887.930	1.441.990.375.228	5.690.950.098.942

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20.2 Cổ phiếu**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	353.794.942	353.794.942
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	353.794.942	353.794.942
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	353.794.942	353.794.942
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	353.794.942	353.794.942
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	(2)	(3.046.908)
Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ	(2)	(3.046.908)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2)	(3.046.908)
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Cổ phiếu quỹ do công ty con của Công ty nắm giữ	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	353.794.940	350.748.034
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	353.794.940	350.748.034
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Chi tiết doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 4/2014	Quý 4/2013
Cổ tức	9.423.967.500	15.817.700.400
Trái tức	5.506.866.439	16.590.186.299
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	2.188.772.488	21.870.317.525
Doanh thu tự doanh từ UTDM tại SSIAM	23.326.752.829	20.377.915.947
Doanh thu hoạt động đầu tư khác	-	616.880.000
Tổng cộng	40.446.359.256	75.273.000.171

22. Chi tiết doanh thu khác (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 4/2014	Quý 4/2013
Lãi tiền gửi	53.273.390.710	47.677.399.033
Doanh thu phí ứng trước	2.604.839.911	1.693.535.594
Doanh thu từ nghiệp vụ ký quỹ	68.926.023.365	17.960.309.649
Doanh thu khác	7.565.330.407	788.036.665
Tổng cộng	132.369.584.393	68.119.280.941

23. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 4/2014	Quý 4/2013
Chi phí môi giới chứng khoán	21.622.271.417	10.580.246.329
Chi phí tự doanh chứng khoán	21.719.567.489	10.612.060.027
Chi phí hoạt động tư vấn	599.898.795	-
Chi phí dự phòng	100.500.855.210	(580.033.406)
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	19.235.601.261	20.032.238.345
<i>Chi phí trả lãi tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư</i>	<i>3.098.208.512</i>	<i>2.631.580.433</i>
<i>Chi phí lãi vay ngân hàng</i>	<i>11.313.412.919</i>	<i>967.045.645</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>4.823.979.830</i>	<i>16.433.612.267</i>
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	84.749.257.674	84.321.707.976
<i>Chi phí lương</i>	<i>45.668.638.312</i>	<i>32.308.552.850</i>
<i>Chi phí bảo hiểm các loại theo lương</i>	<i>2.370.537.000</i>	<i>1.926.809.916</i>
<i>Chi phí đào tạo, chi phí nhân viên khác</i>	<i>6.040.388.323</i>	<i>5.183.401.211</i>
<i>Chi phí dự phòng quỹ lương</i>	<i>-</i>	<i>17.000.000.000</i>
<i>Chi phí vật liệu, VPP, công cụ</i>	<i>1.710.184.748</i>	<i>1.203.804.642</i>
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	<i>5.177.874.245</i>	<i>5.050.570.957</i>
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	<i>7.090.248.477</i>	<i>6.695.001.253</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>15.828.434.996</i>	<i>13.972.430.020</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>862.951.573</i>	<i>981.137.127</i>
Tổng cộng	248.427.451.846	124.966.219.271

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**24. Chi phí quản lý doanh nghiệp (đơn vị tính: VND)**

	Quý 4/2014	Quý 4/2013
Chi phí nhân viên	3.108.598.441	2.890.080.883
Chi phí khấu hao và phân bổ	205.871.324	83.606.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	323.985.000	313.000.000
Chi phí dự phòng	1.925.143.235	477.200.000
Tổng cộng	5.563.598.000	3.763.887.133

25. Thu nhập khác, chi phí khác (đơn vị tính: VND)

	Quý 4/2014	Quý 4/2013
Thu nhập khác		
Thu nhập từ lãi phạt/bỏ cọc thực hiện hợp đồng	49.000.000.000	5.478.763.889
Thu nhập khác	1.489.473.864	5.764.464.249
	50.489.473.864	11.243.228.138
Chi phí khác		
Chi phí khác	4.413	4
	4.413	4
	50.489.469.451	11.243.228.134

26. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ:

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	GTKL giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Của công ty chứng khoán	8.579.324	242.983.924.200
<i>Cổ phiếu</i>	6.949.224	109.174.554.200
<i>Trái phiếu</i>	1.600.000	133.549.200.000
<i>Chứng khoán khác</i>	30.100	260.170.000
b) Của nhà đầu tư	2.329.355.027	54.416.637.580.582
<i>Cổ phiếu</i>	2.238.474.748	44.713.176.005.480
<i>Trái phiếu</i>	90.182.939	9.696.464.265.102
<i>Chứng khoán khác</i>	697.340	6.997.310.000
Tổng cộng	2.337.934.351	54.659.621.504.782

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**27. Nghiệp vụ với các bên có liên quan trong quý 4/2014 (đơn vị tính: VNĐ)**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư NDH (Tên cũ: Công ty TNHH NDH Việt Nam)	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	Công ty nhận vốn đầu tư và có Chủ tịch HĐQT là em của Chủ tịch HĐQT SSI
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị, công ty liên kết
Công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre	Công ty con của Công ty CP Xuyên Thái Bình
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	Công ty con của Công ty CP Xuyên Thái Bình
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty liên kết
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Công ty liên kết
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	Công ty liên kết
CTCP Transimex-Saigon	Công ty liên kết
CTCP Bibica	Công ty liên kết
CTCP Khử Trùng Việt nam	Công ty liên kết
CTCP Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết
Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Nguyễn Sài Gòn là em chủ tịch SSI
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Phó Tổng Giám đốc SSI là chủ tịch thành viên Sài Gòn Đan Linh
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược
Ngân Hàng ANZ	Cổ đông chiến lược (hết cổ đông lớn 17/12/2014)

**Các khoản phải thu :**

Công ty liên quan	Số đầu quý phải thu	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý phải thu
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời				
Góp vốn đầu tư	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Phí giao dịch chứng khoán và ứng trước	-	483.636.044	483.636.044	-
Phí dịch vụ khác	-	85.165.291	85.165.291	-
Lãi đặt cọc tiền thuê văn phòng	-	319.573.497	319.573.497	-
Phải thu ký quỹ	-	275.064.403	-	275.064.403
Lãi đặt cọc tiền thuê văn phòng	-	319.573.497	319.573.497	-
Ứng trước tiền thuê văn phòng	2.000.000.000	2.000.000.000	4.000.000.000	-
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	10.800.702.000	-	-	10.800.702.000

Trang 37

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty TNHH Đầu tư NDH				
Phí giao dịch chứng khoán và ứng trước tiền bán	-	213.502.128	213.502.128	-
Phí dịch vụ khác	-	1.336.634.304	1.336.634.304	-
NH ANZ Việt Nam				
Tiền gửi của nhà đầu tư	63.187.398	-	-	63.187.398
Tiền gửi của công ty	1.940.275.388	13.311.110.374	12.801.383.181	2.450.002.581
Cty CP Xuyên Thái Bình				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	232.623.345.167	6.248.133.992	-	238.871.479.159
Phí giao dịch chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán	-	32.229.840	32.229.840	-
Phải thu khoản đặt cọc thuê văn phòng	78.262.800	-	-	78.262.800
Phí hợp đồng tư vấn	108.600.000	382.900.000	263.600.000	227.900.000
Công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre				
Phải thu ký quỹ	-	63.460.961.931	63.460.961.931	-
Cty CP SX-KD-XNK Bình Thạnh				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	93.704.335.017	2.841.751.296	-	96.546.086.313
Cty CP Giồng cây trồng Trung ương				
Phí quản lý danh mục	3.732.310	-	3.732.310	-
Phí tư vấn	-	120.000.000	120.000.000	-
Cty CP Giồng cây trồng Miền Nam				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	74.303.571.012	3.818.120.857	3.005.789.000	75.115.902.869
Công ty CP chế biến hàng xuất khẩu Long An				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	25.202.915.600	179.199.290	-	25.382.114.890
Cty CP Kho vận Giao nhận Ngoại thương TP HCM (Transimex-Saigon)				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	140.921.450.753	9.318.907.488	-	150.240.358.241
Phí tư vấn	-	100.000.000	70.000.000	30.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	120.934.792.194	15.249.610.591		136.184.402.785
Phí tư vấn	-	12.552.200	-	12.552.200
Cty CP Bibica				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	102.250.265.908	3.904.126.619	-	106.154.392.527
Cty CP Khử trùng Việt Nam				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	124.215.118.416	1.398.169.621	2.649.094.000	122.964.194.037
Cty CP Cảng Đồng Nai				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	-	62.606.030.071	-	62.606.030.071
Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn				
Giao dịch nghiệp vụ ký quỹ	-	4.635.234.525	3.816.897.853	818.336.672

Các khoản phải trả :

Công ty liên quan	Số đầu quý Phải trả	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý Phải trả
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời				
Phải trả từ Hợp đồng mượn tiền	-	34.000.000.000	34.000.000.000	-
Nhận cọc môi giới chứng khoán	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-
Tiền thuê mặt bằng	-	4.945.149.000	4.945.149.000	-
Công ty TNHH Đầu tư NDH				
Trả cổ tức bằng tiền	28.705.036.000	-	28.705.036.000	-
Cty CP Xuyên Thái Bình				
Ứng mua chứng khoán	50.100.000.000	-	-	50.100.000.000
Ứng trước hợp đồng tư vấn	100.000.000	-	100.000.000	-
Đặt cọc môi giới CK	32.931.823.533	394.656.279	11.000.000.000	22.326.479.812
Lãi tiền đặt cọc môi giới	-	354.218.704	354.218.704	-
Chi phí thuê kho và dịch vụ	134.857.800	337.606.268	472.464.068	-
Công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre				
Đặt cọc môi giới chứng khoán	-	62.800.000.000	-	62.800.000.000
Lãi tiền đặt cọc	-	104.766.667	104.766.667	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

NH ANZ Việt Nam				
Trả cổ tức bằng tiền	61.934.420.000	-	61.934.420.000	-
Daiwa Securities Group Inc				
Trả cổ tức bằng tiền	35.471.420.000	-	35.471.420.000	-
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh				
Trả cổ tức bằng tiền	18.247.988.000	-	18.247.988.000	-
Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn				
Trả cổ tức bằng tiền	5.087.220.000	-	5.087.220.000	-

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong Quý 4/2014 là 2.200.182.895 đồng (bao gồm cả thuế Thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

28. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Trong tháng 1/2015, Công ty đang thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty để tăng vốn điều lệ, số lượng dự kiến phát hành là 2.316.800 cổ phiếu, giá phát hành là 22.700 đồng

Ngày 13/1/2015 HĐQT của Công ty đã có Nghị quyết ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thực hiện thủ tục cần thiết để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHCĐ ngày 22/12/2014 (20% cổ phiếu thưởng và 10% cổ tức bằng cổ phiếu).

29. Thuyết minh khác:

Tại thời điểm lập BCTC này, công ty tạm dùng số liệu ước lợi nhuận kết quả kinh doanh hợp nhất quý 4/2014 của ELC từ bộ phận đầu tư để tổng hợp báo cáo.

TPHCM, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Người Lập Biểu



Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam